

Số: 05/QĐ - TTHTPTGDHNBC

Bình Chánh, ngày 11 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai thực hiện thu – chi nguồn ngân sách, nguồn khác
Quý 4 năm 2023 của Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Bình Chánh**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015;
Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết
thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính
hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức
được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính
sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 hướng dẫn
thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách
nhà nước hỗ trợ.

Xét đề nghị của Phụ trách kế toán Trung tâm;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện thu - chi nguồn ngân sách nhà nước, nguồn
khác quý 4 năm 2023 của Trung tâm (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phụ trách kế toán và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (TH);
- Lưu :VT, ...



Phụ trưởng đơn vị

Đặng Thị Lệ Hằng

Biểu số 03
Ban hành kèm theo TT số 90/2018/TT-BTC ngày
28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN GIÁO
DỤC HÒA NHẬP BÌNH CHÁNH
Chương : 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ 4 NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, cá tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỉ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỉ lệ %)
A	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	707.000.000	2.089.776.458	296%	113%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	707.000.000	2.089.776.458		113%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.817.000.000	4.794.392.134	100%	
	Nguồn 13	4.649.000.000	4.610.317.214	99%	81%
	Nguồn 14	168.000.000	184.074.920	110%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	- 4.110.000.000	-2.704.615.676	66%	
	Nguồn 12	-4.110.000.000	-3.240.142.815	79%	67%
	Nguồn 14	-	535.527.139		56%

Kế toán



Nguyễn Thị Thùy Linh

Tp.HCM, ngày 11 tháng 01 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị





Đặng Thị Lệ Hằng

CÔNG KHAI
THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ 4 NĂM 2023

A. Dự toán giao :	:	725.371.728	đồng
- Kinh phí thực hiện tự chủ/kinh phí thường xuyên (nguồn 13)	:	4.667.371.728	đồng
+ Năm trước chuyển sang	:	18.371.728	đồng
+ Giao đầu năm	:	4.649.000.000	đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:		
- Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương/kinh phí thường xuyên (nguồn 14)	:	168.000.000	đồng
+ Giao đầu năm	:	168.000.000	đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:		đồng
- Kinh phí không thực hiện tự chủ/không thường xuyên (nguồn 12) :	-	4.110.000.000	đồng
+ Giao đầu năm	:	4.110.000.000	đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:		đồng
- Kinh phí cải cách tiền lương chi NQ03/2018/NQ08/2023/không thường xuyên (nguồn 14) :		-	đồng
+ Giao đầu năm	:	-	đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:		đồng
B. Tình hình thực hiện dự toán chi NSNN Quý 4 năm 2023	:	2.089.776.458	đồng
I. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 13)	:	4.610.317.214	đồng
<i>Lương theo ngạch, bậc</i>	:	1.460.968.458	đồng
<i>Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng</i>	:	266.000.000	đồng
<i>Phụ cấp chức vụ</i>	:	42.912.003	đồng
<i>Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ</i>	:	218.229.491	đồng
<i>Phụ cấp ưu đãi nghề</i>	:	1.029.701.353	đồng
<i>Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc</i>	:	147.063.000	đồng
<i>Phụ cấp thâm niên vượt khung, thâm niên nghề</i>	:	22.449.889	đồng
<i>Phụ cấp khác</i>	:	16.384.800	đồng
<i>Chi khác</i>	:	21.000.060	đồng
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	:	395.013.255	đồng
<i>Bảo hiểm y tế</i>	:	67.716.557	đồng
<i>Kinh phí công đoàn</i>	:	44.879.681	đồng
<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	:	22.836.876	đồng
<i>Tiền điện</i>	:	70.606.160	đồng
<i>Tiền nước</i>	:	56.286.165	đồng
<i>Tiền vệ sinh, môi trường</i>	:	6.540.000	đồng
<i>Văn phòng phẩm</i>	:	36.871.720	đồng
<i>Vật tư văn phòng khác</i>	:	14.584.400	đồng
<i>Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện</i>	:	244.682	đồng
<i>Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường</i>	:	12.539.083	đồng
<i>Tuyên truyền; quảng cáo</i>	:	1.744.000	đồng
<i>Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông: sách, báo, tạp chí thư viện</i>	:	3.184.000	đồng
<i>Khoản công tác phí</i>	:	28.420.000	đồng
<i>Thuê lao động trong nước</i>	:	395.225.600	đồng
<i>Các thiết bị công nghệ thông tin</i>	:	7.857.000	đồng
<i>Tài sản và thiết bị văn phòng</i>	:	12.861.480	đồng
<i>Chi mua hàng hóa, vật tư</i>	:	2.150.000	đồng
<i>Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành</i>	:	31.111.500	đồng
<i>Chi khác</i>	:	163.936.001	đồng
<i>Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện</i>	:	11.000.000	đồng



II. Kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương (nguồn 14)	:	719.602.059	đồng
- Chi thu nhập tăng thêm theo NQ03/2018/NQ-HĐND+NQ08/2023/NQ-HĐND	:	535.527.139	đồng
- Chi chênh lệch do tăng mức lương cơ bản theo quy định	:	184.074.920	đồng
III. Kinh phí không thực hiện tự chủ (nguồn 12)	:	-3.240.142.815	đồng
Lương theo ngạch, bậc	:	-1.060.235.633	đồng
Phụ cấp chức vụ	:	-32.184.003	đồng
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	:	-153.261.530	đồng
Phụ cấp ưu đãi nghề	:	-736.994.111	đồng
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	:	-113.091.000	đồng
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	:	50.336.732	đồng
Phụ cấp khác	:	-7.330.800	đồng
Bảo hiểm xã hội	:	-273.637.021	đồng
Bảo hiểm y tế	:	-46.909.203	đồng
Kinh phí công đoàn	:	-31.008.113	đồng
Bảo hiểm thất nghiệp	:	-15.901.093	đồng
Chi khác	:	5.400.000	đồng
Tiền điện	:	-48.696.990	đồng
Tiền nước	:	-46.065.747	đồng
Tiền vệ sinh, môi trường	:	-4.380.000	đồng
Văn phòng phẩm	:	-25.556.057	đồng
Vật tư văn phòng khác	:	-14.584.400	đồng
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện	:	-178.682	đồng
Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường	:	-10.559.083	đồng
Tuyên truyền; quảng cáo	:	-1.744.000	đồng
Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	:	-2.232.000	đồng
Khoản công tác phí	:	-21.810.000	đồng
Thuê lao động trong nước	:	-457.225.600	đồng
Các thiết bị công nghệ thông tin	:	-7.857.000	đồng
Tài sản và thiết bị văn phòng	:	-12.861.480	đồng
Chi mua hàng hóa, vật tư	:	-2.150.000	đồng
Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	:	-26.990.000	đồng
Chi khác	:	-131.436.001	đồng
Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	:	-11.000.000	đồng

T.M.
TAM
AT TH
OA NH
SANG

Đánh giá :

- Tổng chi NSNN Quý 3 là : 2.089.776.458 đồng, đạt 296% dự toán năm và 113% so với cùng kỳ năm trước .
- Kinh phí thực hiện tự chủ/thường xuyên (nguồn 13) Quý 4 là : 4.610.317.214 đồng, đạt 99% dự toán năm và 81% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân :
 - + Do tăng hệ số lương
- Kinh phí thực hiện tự chủ/không thường xuyên (nguồn 14) Quý 535.527.139 đồng, đạt 0% dự toán năm và 56% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân :
 - + Do tăng hệ số lương tăng lao động làm chi thu nhập tăng thêm theo NQ 03/2018/NQ-HĐND+NQ08/2023/NQ-HĐND .
- Kinh phí thực hiện tự chủ/thường xuyên (nguồn 14) Quý 4 là : 184.074.920 đồng, đạt ##### dự toán năm và 0% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân :
 - + Do tăng mức lương cơ sở từ 1.490.000 đồng lên 1.800.000 đồng từ tháng 07/2023
- Kinh phí không thực hiện tự chủ / không thường xuyên (nguồn 12) Quý 4 là : -3.240.142.815 đồng, đạt 79% dự toán so với dự toán năm .

Kế toán



Nguyễn Thị Thùy Linh

Tp.HCM, ngày 10 tháng 01 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Đặng Thị Lệ Hằng

